TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TỊNH BIÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Châu Kim Ba.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án Nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên toà:*** bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HN ngày 24 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1997. Nơi cư trú: tổ 1, ấp Q, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Giang S, sinh năm 1990. Nơi cư trú: khóm 2, phường L, thị xã B, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 31/01/2023 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Y trình bày:

Chị Y và anh S tiến đến hôn nhân, ngày 08/10/2020, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian đầu, chị Y và anh S sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do anh S không chí thú làm ăn, không chăm lo cho gia đình lại thường xuyên cờ bạc, uống rượu về kiếm chuyện, dùng lời lẻ thô tục chửi mắn và đánh đập chị Y, đe dọa giết chị Y. Mâu thuẫn giữa chị Y và anh S là trầm trọng, không khắc phục được và không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, không thể tiếp tục

chung sống với nhau. Nay, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Giang S.

Về con chung: chị Y và anh S không có con chung.

Về tài sản chung: chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có nguyên đơn chị Y có mặt, bị đơn anh S vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 12/06/2023, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, nguyên đơn chị Y vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt), bị đơn anh S vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên toà lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Y vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt); bị đơn anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thứ ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: nhận thấy hôn nhân giữa chị Y và anh S là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Luật Hôn nhân và Gia đình, tuy nhiên cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh, không hàn gắn được, chị Y và anh S sống ly thân nhau. Nhận thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh S không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình thể hiện qua việc anh S không tham các phiên hòa giải, thể hiện qua việc anh S không quan tâm đến việc chị Y xin ly hôn. Điều này cho thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Y xin được ly hôn với anh S.

Về con chung: chị Y và anh S không có con chung; về quan hệ tài sản chung: chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Y (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn anh S vắng mặt không có lý do, không do sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Y với anh S được xác lập trong năm 2020, sau ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh S xác lập năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn thì tình trạng hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và xác M tại địa phương hiện hai người đang sống ly thân với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa chị Y, anh S đã không còn sống chung với nhau, do bất đồng trong quan điểm sống hôn nhân. Mặc khác, quá trình tố tụng tại Tòa án, anh S không có thiện chí đến Toà án để hòa giải đoàn tụ gia đình mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Điều đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của chị Y với anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Y khởi kiện xin ly hôn đối với anh S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: chị Y, anh S trong thời gian chung sống không có con chung; về tài sản chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6] Quá trình tố tụng, bị đơn anh S không có ý kiến bằng văn bản, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên không được xem xét.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hồi đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Y là người xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về xin ly hôn với số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*);

- Bị đơn anh S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 8, 9, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc Y.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Ngọc Y được ly hôn với anh Nguyễn Giang S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày ngày 08/10/2020 của Uỷ ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang không còn giá trị pháp lý khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Ngọc Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và Gia đình nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0008 973, ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên (nay là thị xã Tịnh Biên).

Về quyền kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản bán được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thị

hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thị hành dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú